TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 27 /2020/DS-ST
Ngày 9 / 6/2020.
"*V/v:* Tranh chấp hợp đồng vay tài sản *"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Xuyến
- Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Liêu, ông Nguyễn Mạnh Dũng
- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Trong ngày 9 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 277/ DS- ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa ra xét xử số 40 /2020 /QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên Đơn: bà Ngô Thị Mỹ L; Sinh năm 1960
Địa chỉ : Khu Tân Hưng, TT Đ Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.
Người được nguyên đơn ủy quyền: Nguyễn Thành Th, Sinh năm 1977
Địa chỉ : Khu Đức Lập, TT Đ Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.
- Bị đơn: bà Lê Thị N; Sinh năm 1960
Địa chỉ : số 20, đường Nguyễn Huệ, Khu Đức Lập, TT Đ Ph, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 21/12/2017 âm lịch tôi có cho bà Nam vay số tiền 150.000.000đ, ngày trả cuối cùng là ngày 16/1/2018 âm lịch, tức ngày 03/3/2018 dương lịch, không thỏa thuận lãi suất, sau đó bà Nam có trả 80.000.000đ, còn lại 70.000.000đ đến này chưa trả .

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị N phải trả toàn bộ số tiền gốc còn lại 70.000.000đ và tiền lãi quá hạn kể từ ngày 04/3/2018 đến nay, mức lãi 1,125%/ tháng.

- Bị đơn bà Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai trình bày : Khoản vay tiền mà nguyên đơn đã trình bày là đúng, tôi đã trả một phần, số tiền còn lại 70.000.000đ là đúng và tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

1/ Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

2/ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3/ Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay còn lại 70.000.000đ đến nay bị đơn trưa trả.

Xét thấy ngày 21/12/2017 âm lịch nguyên đơn cho bị đơn vay tiền, hạn trả cuối cùng ngày 03/3/2018 dương lịch, số tiền còn lại 70.000.000đ đến nay trưa trả. Bị đơn thừa nhận là đúng nhưng vì khó khăn nên xin trả dần, như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay, quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm.

Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền vay còn lại 70.000.000đ.

Về lãi suất nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn do quá hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa trả lãi nên cần áp dụng khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự, Nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 04/3/2018 đến nay là ngày 9/6/2020 là 27 tháng 5 ngày, mức lãi 0,83%/1 tháng x 150% nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi 1,125%/ 1 tháng trong phạm vi cho phép nên cần chấp nhận, cụ thể :

70.000.000đ x 1,125%/1 tháng x 27 tháng 5 ngày = 21.393.750đ

Tổng cộng cả gốc và lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 91.393.750đ.

4/ Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định là :

91.393.750đ x 5% = 4.569.687đ

Chi cục thi hàn án dân sự hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.222.500đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị N phải trả cho bà Ngô Thị Mỹ L số tiền gốc còn lại 70.000.000đ, tiền lãi 21.393.750đ.

Tổng cộng số tiền phải trả 91.393.750đ.

2/ Về án phí: Buộc bị đơn bà Lê Thị N phải nộp tiền án phí là 4.569.687đ.

Chi cục Thi hành án huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Ngô Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.222.500đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009967 ngày 23/12/2019.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến